

Số: /TTr-UBND

Lương Tài, ngày tháng 12 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng  
vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Lương Tài.

*Căn cứ các Luật: Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 01/TT-BXD ngày 19/5/2021 về việc ban hành QCVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; Số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 về việc quy định hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh, về việc ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Văn bản số 48/UBND-XDCB ngày 29/02/2024 về chủ trương điều chỉnh quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện và triển khai các quy hoạch phân khu;*

*Căn cứ Kết luận số 407-KL/HU ngày 29/11/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc thông qua Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;*

UBND huyện trình HĐND huyện thông qua Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính như sau:

**I. Tên đồ án:** Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

**II. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô, tính chất khu vực lập điều chỉnh quy hoạch:**

**1. Vị trí, phạm vi ranh giới:**

Ranh giới nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính huyện Lương Tài. Ranh giới cụ thể toàn huyện được xác định như sau:

Huyện Lương Tài nằm ở phía Nam tỉnh Bắc Ninh; Phía đông giáp thành phố Chí Linh và huyện Nam Sách thuộc tỉnh Hải Dương; Phía tây giáp thị xã Thuận Thành; Phía nam giáp huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; Phía bắc giáp huyện Gia Bình.

**2. Quy mô:**

**\* Quy mô diện tích:**

Quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch: Khoảng 10.591,26 ha.

**\* Quy mô dân số:**

Theo quyết định Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 quy mô dân số:

- Hiện trạng đầu năm 2019 khoảng 104.469 người;
- Đến hết năm 2025 khoảng 112.110 người;
- Đến hết năm 2035 khoảng 128.250 người.

Theo Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 quy mô dân số dự kiến:

- Quy mô dân số hiện trạng năm 2023: 108.824 người;
- Quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 143.000 người;
- Quy mô dân số đến năm 2035 khoảng 164.450 người;
- Quy mô dân số đến năm 2050 khoảng 203.951 người.

Dân số khu vực đô thị dự kiến:

STT	Dân số khu vực đô thị	Năm 2023 (Theo Niên giám TK năm 2023)	năm 2025	năm 2030	năm 2035
1	Thị trấn Thửa	11.603	14.300	17.820	22.200
2	Trung Khê			14.500	20.000
3	Lâm Thao			9.000	14.250
<b>4</b>	<b>Tổng</b>	<b>11.603</b>	<b>14.300</b>	<b>41.320</b>	<b>56.450</b>

Dân số khu vực nông thôn dự kiến:

STT	Dân số khu vực nông thôn	Năm 2023 (Theo Niên giám TK năm 2023)	năm 2025	năm 2030	năm 2035
1	Xã Tân Lãng	5.983	7.050	7.830	8.320
2	Xã Phú Hòa	10.453	12.100	13.400	14.300
3	Xã Quang Minh (Trùng Xá + Minh Tân)	9.157	10.500	11.650	12.400
4	Xã Trung Chính	9.358	10.710	11.900	12.650
5	Xã Phú Lương	4.195	4.800	5.500	6.000
6	<b>Xã Trung Khê</b>	10.085	12.380		
7	Xã An Thịnh	9.939	11.160	12.400	13.200
8	Xã An Tập (Mỹ Hương + Lai Hạ)	10.462	11.760	13.000	13.900
9	<b>Xã Lâm Thao</b>	6.142	7.570		
10	Xã Bình Định	8.880	10.000	11.000	11.700
11	Xã Quảng Phú	12.568	13.670	15.000	15.530
<b>12</b>	<b>Tổng</b>	<b>97.222</b>	<b>111.700</b>	<b>101.680</b>	<b>108.000</b>

### III. Mục tiêu của đề án:

Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, từ đó đưa ra những dự báo và định hướng chiến lược nhằm phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh và những đặc thù của huyện.

Xây dựng huyện Lương Tài theo hướng đẩy mạnh phát triển toàn diện, từ Kinh tế, Văn hóa và Xã hội, hài hòa với môi trường sinh thái tự nhiên, từng bước đáp ứng tiêu chuẩn nông thôn mới; phấn đấu đến năm 2030 huyện Lương Tài phát triển thành vùng kinh tế năng động, bền vững xanh, phát triển thương mại dịch vụ, chế biến nông thủy sản sử dụng công nghệ sản xuất tiên tiến; song hành cùng cải thiện chất lượng văn hóa - xã hội, y tế nâng cao chất lượng đời sống cho người dân.

Giai đoạn năm 2021- 2030, huyện Lương Tài trở thành vùng nông thôn bền vững, khu vực chế biến nông lâm thủy sản bằng phương pháp hiện đại, phát

triển thương mại - dịch vụ, là khu vực phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tiềm năng, thu hút du khách đến với địa bàn huyện, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế cho người dân thông qua các dịch vụ kinh doanh nhà hàng, khu nghỉ dưỡng, giải trí,...

Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị và nông thôn trong huyện, xây dựng các chương trình kế hoạch và đề xuất các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực.

#### **IV. Nội dung nghiên cứu quy hoạch:**

##### **1. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:**

Xác định một số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án như chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế- về xã hội, về môi trường, về hạ tầng kỹ thuật... đảm bảo phù hợp với các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, có cân đối cho phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu phát triển của khu vực.

Áp dụng các chỉ tiêu đô thị loại V.

Dân số hiện trạng theo niên giám thống kê năm 2023: 108.824 người.

Dân số dự kiến:

+ Đến năm 2030 khoảng 143.000 người;

+ Đến năm 2035 khoảng 164.450 người.

+ Đến năm 2050 khoảng 203.951 người.

Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật (dự kiến):

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
	<b>Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật</b>		
1	Giao thông		
	- Diện tích đất giao thông (không bao gồm giao thông tỉnh) đến cấp đường liên khu vực	% diện tích đất xây dựng khu đô thị	$\geq 6$
	- Bãi đỗ xe tỉnh	m <sup>2</sup> /người	>4
2	Cấp nước		
	- Nước sinh hoạt (Qsh)	lít/người - ngày đêm	>100
	- Nước phục vụ công cộng (Qcc)	% * Qsh	10
	- Nước tiểu thủ công nghiệp dịch vụ trong đô thị (Qcndv)	% * Qsh	8
	- Nước khu công nghiệp (nếu có) (Qkcn)	m <sup>3</sup> /ha – ngày đêm	20-40
	- Nước thoát (Qtt)	%(Qsh+Qcc+Qcndv+Qkcn)	<15

	- Nước cho yêu cầu riêng của nhà máy	$\%*(Q_{sh}+Q_{cc}+Q_{cndv}+Q_{kcn}+Q_{tt})$	4
3	Cấp điện		
	- Điện sinh hoạt	w/người	330
	- Điện công cộng, dịch vụ	$\% * \text{Điện sinh hoạt}$	30 (Chỉ tiêu cụ thể theo Bảng 2.28 QCVN 01:2021/BXD)
	- Điện sản xuất công nghiệp, kho tàng (nếu có)	kW/ha	Theo Bảng 2.29 QCVN 01:2021/BXD
4	Thoát nước thải và VSMT		
4.1	Thoát nước thải	$\% * \text{Chỉ tiêu cấp nước}$	$\geq 80\%$
4.2	Thu gom chất thải rắn	kg/người - ngày đêm	0,8

## 2. Nghiên cứu định hướng tổ chức không gian vùng:

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội của huyện trên cơ sở các dự báo, chương trình và kế hoạch (đề xuất hai phương án để lựa chọn).

- Tổ chức hệ thống các đô thị (định hướng lộ trình nâng cấp các đô thị, tốc độ đô thị hóa), các điểm dân cư nông thôn, xác định cụ thể các khu vực dân cư phát triển mới; định hướng khai thác không gian, kiến trúc cảnh quan dọc các trục cảnh quan thiên nhiên như sông Thái Bình, sông Thửa, sông Ngụ.

- Định hướng tổ chức không gian các cơ sở công nghiệp, thương mại dịch vụ phù hợp với điều kiện của địa phương và khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, lao động, hạ tầng.

- Định hướng các khu sản xuất nông nghiệp: Xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu nuôi trồng và chế biến nông sản nhằm tạo ra các vùng sản xuất tập trung lớn.

- Định hướng hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao cấp huyện, cấp xã; khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và bảo tồn các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị. Nghiên cứu mô hình đối với các trục động lực phát triển vùng dọc tuyến đường ĐT.280, ĐT.281 và ĐT.284.

- Đối với vùng trung tâm huyện thị trấn huyện lỵ: Làm rõ quan điểm, nguyên tắc, tiêu chí cho các giải pháp định hướng phát triển không gian vùng đô thị trung tâm làm tiền đề cho nghiên cứu quy hoạch sau này.

- Dự báo về quy mô đất đai theo từng giai đoạn cho khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu vực đặc thù. Tổng hợp bằng bảng biểu trong đó có tính toán cân bằng nhu cầu sử dụng đất đai theo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội dự báo.

### **3. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

- Về định hướng giao thông: Cập nhật Quy hoạch chuyên ngành giao thông, Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh về hệ thống đường tỉnh, cảng đường thủy tại xã Trung Kênh; đề xuất, tổ chức mô hình giao thông phù hợp (giao thông đường bộ kết hợp đường thủy) đảm bảo kết nối giao thông giữa các vùng trong huyện, kết nối với các huyện, thị xã, thành phố và tỉnh Hải Dương. Đề xuất các giải pháp cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường huyện, đường trục xã đảm bảo kết nối giao thông và mục tiêu phát triển kinh tế; đề xuất mô hình giao thông công cộng, các bãi đỗ xe, bến xe trung tâm.

- Về định hướng chuẩn bị kỹ thuật: Phân tích, đánh giá về địa hình, các biến động địa chất; các giải pháp về san nền, thoát nước, phòng chống và xử lý các biến động địa chất, ngập lụt; xác định lưu vực, hướng thoát nước chính.

- Về định hướng cấp nước: Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực đô thị đến năm 2035, phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng tỉnh; xây dựng kế hoạch khai thác sử dụng hồ, đập, kênh tưới đa mục đích và các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm.

- Về định hướng cấp điện: Xác định tiêu chuẩn, dự báo nhu cầu sử dụng điện; lựa chọn cân đối nguồn điện, đề xuất các giải pháp cấp điện lưới truyền tải và phân phát điện, xác định mạng lưới cấp điện đến các trạm hạ thế, dự kiến quy mô, vị trí công trình đầu mối cho từng giai đoạn quy hoạch. Tính toán nhu cầu và đề xuất giải pháp chiếu sáng thông minh, đầu xuất sử dụng nguồn năng lượng khác (nếu có).

- Về định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: Dự báo, điều chỉnh bổ sung, công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị giai đoạn đến năm 2035 và dài hạn đến năm 2050. Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối xử lý chất thải rắn, và nghĩa trang cấp vùng huyện đảm bảo phát triển lâu dài đến cấp xã, đề xuất các giải pháp thực hiện, triển khai.

- Về định hướng hạ tầng viễn thông: Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động, dự kiến các công trình đầu mối theo từng giai đoạn quy hoạch, mở rộng hệ thống viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng theo từng đơn vị hành chính, đáp ứng phát triển kinh tế xã hội.

#### **4. Lập báo cáo tác động môi trường chiến lược:**

Xác định những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn, hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan, xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng, dự báo các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch, đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

#### **5. Các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng vùng:**

Đề xuất các giải pháp về việc làm, an sinh xã hội, giao thông và nông nghiệp; đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư để phát triển kinh tế, đảm bảo mục tiêu theo quy hoạch đề ra.

#### **6. Quy định quản lý quy hoạch xây dựng vùng cần nêu rõ:**

Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai huyện, quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế; quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn, quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng; quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường; quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng; phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch cho chính quyền cấp xã, thị trấn theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng.

Quy định về tổ chức thực hiện: Các quy định về tính pháp lý, kế hoạch tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện.

Vậy, UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét thông qua Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 để làm cơ sở triển khai bước tiếp theo./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Huyện ủy;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Văn Hào**